TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Điệt.

Ông Huỳnh Văn Cang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh Ph, chị Th đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ph và chị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới thì anh, chị chung sống tại Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, từ đó anh, chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Anh Ph nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc,

không hàn gắn được nữa nên yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Th úy.

Về con chung: Thời gian chung sống Anh Ph và chị Th có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-7-1997; Huỳnh Thị Diễm M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-11-1998 và Huỳnh Diễm K (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-10-2004. Các con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng và Huỳnh Thị Diễm M đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Anh Ph không yêu cầu giải quyết; con chung tên Huỳnh Diễm K đang sống cùng với Anh Ph, Anh Ph yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kiều đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 07-3-2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th thống nhất với trình bày của Anh Ph. Chị Th và Anh Ph tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống, chị Th và Anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, chị Th và Anh Ph không còn chung sống hơn 07 năm. Do đó, chị Th đồng ý với yêu cầu của Anh Ph, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và Anh Ph.

Về con chung: Thời gian chung sống chị Th và Anh Ph có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-7-1997; Huỳnh Thị Diễm M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-11-1998 và Huỳnh Diễm K (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-10-2004. Các con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng và Huỳnh Thị Diễm M đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị Th không yêu cầu giải quyết; con chung tên Huỳnh Diễm K đang sống cùng với Anh Ph, chị Th đồng ý giao cháu Kiều cho Anh Ph nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản về việc ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 14-3-2022, nguyện vọng của cháu Huỳnh Diễm K như sau:

Cháu Kiều đang sống cùng với Anh Ph. Trường hợp Anh Ph, chị Th không còn chung sống với nhau nữa (ly hôn với nhau) cháu Kiều có nguyện vọng được sống cùng với Anh Ph.

- Tại Biên bản xác minh (Mâu thuẫn gia đình trong vụ án hôn nhân và gia đình) ngày 07-3-2022, mâu thuẫn gia đình giữa Anh Ph, chị Th như sau:

Anh Ph và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống thì địa phương không biết được nguyên nhân mâu thuẫn giữa Anh Ph và chị Th úy. Tuy nhiên, theo thông tin được biết Anh Ph, chị Th không còn chung sống với nhau đã lâu.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Ph, cụ thể: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn Ph và chị Nguyễn Thị Thanh Th. Giao con chung tên Huỳnh Diễm K (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-10-2004 cho anh Huỳnh Văn Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; các con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-7-1997 và Huỳnh Thị Diễm M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-11-1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động, Anh Ph và chị Th đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung Anh Ph, chị Th thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Huỳnh Văn Ph khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Thanh Th. Đồng thời, Anh Ph có yêu cầu giải quyết về con chung. Chị Th cư trú tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Anh Ph và chị Th đều có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Anh Ph và chị Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh, chị đều có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ph, chị Th thống nhất là anh, chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Tại Đơn xin xác nhận (V/v: Xác nhận tình trạng hôn nhân) ngày 06-12-2021 thì: *"Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước xác nhận: Ông Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1975. ĐKTT: ấp Phước Ninh và bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1976. ĐKTT: ấp Mỹ An, xã Mỹ Tú 2 đ/s chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phước là đúng"*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Anh Ph, chị Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là sự thật.

[4] Sau khi cưới Anh Ph và chị Th chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, từ đó anh, chị không còn chung sống với nhau cho đến nay. Do đó, Anh Ph và chị Th thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh, chị. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*. Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Như vậy, Anh Ph và chị Th đã thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh, chị và sự thống nhất này phù hợp với quy định viện dẫn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Ph và chị Th thống nhất thời gian chung sống anh, chị có 03 (ba) con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-7-1997; Huỳnh Thị Diễm M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-11-1998 và Huỳnh Diễm K (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-10-2004. Đồng thời, Anh Ph, chị Th thống nhất các con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ngân, Huỳnh Thị Diễm M đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; con chung tên Huỳnh Diễm K do Anh Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."*. Như vậy, Anh Ph, chị Th đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiều được sống cùng với Anh Ph, vừa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi" và "3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Theo quy định này, chị Th không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với Anh Ph. Đồng thời, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Theo quy định này, chị Th không trực trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Anh Ph không yêu chị Th phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ph, chị Th thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Anh Ph là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn Ph và chị Nguyễn Thị Thanh Th.

2. Về con chung: Các con chung tên Huỳnh Thị Diễm Ng (giới tính: Nữ), sinh ngày 02-7-1997 và Huỳnh Thị Diễm M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-11-1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động, Anh Ph và chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Giao con chung tên Huỳnh Diễm K (giới tính: Nữ), sinh ngày 19-10-2004 cho anh Huỳnh Văn Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Huỳnh Văn Ph không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh Th phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Văn Ph và chị Nguyễn Thị Thanh Th thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0003551 ngày 31

tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Anh Huỳnh Văn Ph đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CCTHADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt